

SỞ Y TẾ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1

HỌ TÊN TÁC GIẢ: TRẦN THỊ HƯƠNG

TÊN ĐỀ TÀI

KIẾN THỨC, THỰC HÀNH NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ CỦA SẢN
PHỤ SAU ĐẼ THƯỜNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1
NĂM 2026 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

Bắc Ninh, 2026

SỞ Y TẾ BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1

TÊN ĐỀ TÀI
KIẾN THỨC, THỰC HÀNH NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ CỦA SẢN
PHỤ SAU ĐẺ THƯỜNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA BẮC NINH SỐ 1
NĂM 2026 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

Người thực hiện: Trần Thị Hương
Cộng sự: Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Hồng Trang

Bắc Ninh, 2026

MỤC LỤC

DANH SÁCH BẢNG.....	ii
DANH SÁCH HÌNH.....	iii
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÀI LIỆU	2
1.1. Đặc điểm và tầm quan trọng của sữa mẹ.....	2
1.2. Phương pháp nuôi con bằng sữa mẹ	7
1.3. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hiện nay	9
1.4. Các yếu tố liên quan đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh.....	10
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	15
2.1 Đối tượng nghiên cứu.....	15
2.2 Phương pháp nghiên cứu.....	15
2.3 Đạo đức trong nghiên cứu.....	15
2.4 Cỡ mẫu nghiên cứu	15
2.5 Phương pháp chọn mẫu:	16
2.6 Phương pháp thu thập số liệu.....	17
2.7 Các biến số nghiên cứu	18
2.8 Các khái niệm, thước đo, tiêu chuẩn đánh giá.....	19
2.9 Phương pháp phân tích số liệu.....	21
2.10 Đạo đức trong nghiên cứu.....	21
2.11 Hạn chế của nghiên cứu, sai số và biện pháp khắc phục sai số	21
CHƯƠNG 3. DỰ KIẾN KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN	24
3.1. Kết quả nghiên cứu..	24
3.2. Thảo luận.....	26

3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh thường tại khoa phụ sản bệnh viện đa khoa bắc ninh số 1	29
CHƯƠNG 4. DỰ KIẾN BÀN LUẬN	33
CHƯƠNG 5. DỰ KIẾN KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ.....	34
5.1 Kết luận	34
5.2 Đề nghị.....	34
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	35

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BV	: Bệnh viện
BMTE	: Bà mẹ trẻ em
CS	: Chăm sóc
DD	: Dinh dưỡng
ĐTĐ	: Đái tháo đường
ĐTV	: Điều tra viên
HS	: Hộ sinh
NCBSM	: Nuôi con bằng sữa mẹ
THA	: Tăng huyết áp
THPT	: Trung học phổ thông
TLN	: Thảo luận nhóm
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization)

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 3.1. Thông tin chung của các đối tượng tham gia nghiên cứu

Bảng 3.2. Nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình, trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.3. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo số con hiện có và phương pháp sinh con hiện tại

Bảng 3.4. Đặc điểm của trẻ sinh ra

Bảng 3.5. Kiến thức chung về nuôi con bằng sữa mẹ của các sản phụ

Bảng 3.6. Thực hành đúng về nuôi con bằng sữa mẹ của các sản phụ

Bảng 3.7. Các yếu tố liên quan đến đa biến kiến thức đúng

Bảng 3.8. Các yếu tố liên quan đến đa biến đến thực hành

Bảng 3.9. Mối liên quan đến kiến thức đúng và thực hành đúng

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1: Đặc điểm của sữa mẹ (Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, 2015 [10]	3
Hình 1.2: Cách cho trẻ bú đúng (Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, 2015 [10]	11

ĐẶT VẤN ĐỀ

Sữa mẹ là nguồn thức ăn quý giá nhất đối với trẻ nhỏ, không có loại thực phẩm nào có thể so sánh được. Tổ chức y tế khuyến cáo cho con bú sớm trong vòng một giờ đầu sau sinh, bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho ăn bổ sung hợp lý khi trẻ được tròn 6 tháng và tiếp tục cho bú mẹ cho đến 2 tháng hoặc lâu hơn.

Mặc dù nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) đem lại rất nhiều lợi ích cho sức khỏe của bà mẹ và trẻ em, nhưng tỷ lệ kiến thức thực hành nuôi con bằng sữa mẹ trên thế giới và Việt Nam vẫn còn thấp. Theo một nghiên cứu ở Đông Phi năm 2020 cho thấy kiến thức đạt 84.4% và thực hành đạt 49.2% [7]

Ở Việt Nam một nghiên cứu năm 2019 về KAP cho bú mẹ sau sinh đã chỉ ra rằng tỷ lệ bà mẹ có kiến thức khá chiếm 75.15%, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ đạt 51.1% [5]. Một nghiên cứu khác năm 2021 cho thấy tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng tư thế khi cho trẻ bú là 30.4% [3]

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 đã triển khai chương trình giáo dục nuôi con bằng sữa mẹ cho sản phụ sau sinh tại khoa Phụ sản. Tuy nhiên vẫn chưa có nghiên cứu nào về kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của Sản phụ sau sinh thường. Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 là bệnh viện đa khoa hạng 1 có quy mô 1200 giường bệnh, trong đó Khoa Sản chiếm 70 giường, đồng thời hàng năm đều được đánh giá theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện tại Việt Nam. Để có cơ sở cho việc đánh giá và cải thiện các hoạt động giáo dục NCBSM tại bệnh viện, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài. “ Kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau đẻ thường tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 năm 2026 và một số yếu tố liên quan.” Với 2 mục tiêu sau:

Mục tiêu 1: Mô tả kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau đẻ thường tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 năm 2026.

Mục tiêu 2: Tìm hiểu 1 số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Bắc Ninh số 1 năm 2026

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1. Đặc điểm và tầm quan trọng của sữa mẹ

1.1. Đặc điểm của sữa mẹ

Sữa non Sữa non được hình thành từ tuần thứ 14–16 của thai kỳ và được tiết ra trong 1–3 ngày đầu sau sinh[1]. Sữa non sánh đặc, màu vàng nhạt hoặc trong. Lợi ích của sữa non: Sữa non là nguồn kháng thể dồi dào, giúp cho cơ thể non trẻ chống lại môi trường mới lạ. Sữa non tiết ra tuy ít nhưng chất lượng cao thỏa mãn nhu cầu của trẻ mới sinh[1]. Giàu kháng thể, nhiều protein kháng khuẩn và nhiều tế bào bạch cầu hơn sữa trưởng thành, giúp trẻ phòng chống nhiễm khuẩn, dị ứng và có khả năng miễn dịch nhiều bệnh mà trẻ có thể mắc phải có tác dụng xổ nhẹ, đào thải phân su, thải bilirubin ra khỏi ruột làm giảm mức độ vàng da của trẻ. Có yếu tố tăng trưởng biểu bì giúp cho ruột phát triển hoàn thiện chức năng, phòng tránh dị ứng và không dung nạp thức ăn khác. Giàu vitamin đặc biệt là vitamin A có tác dụng cải thiện tình trạng nhiễm khuẩn của trẻ. Sữa non giàu natri, kali và kẽm. Chất lượng của sữa non giảm nhanh trong vòng 24 giờ đầu.

Sữa trưởng thành Sau 3–5 ngày, sữa non chuyển tiếp thành sữa trưởng thành (sữa ổn định). Sữa trưởng thành gồm sữa đầu và sữa cuối Sữa đầu: sữa được tiết ra đầu bữa bú, có màu trắng hơi xanh, chứa nhiều nước và các chất dinh dưỡng khác, vì vậy cần cho trẻ được bú sữa đầu bữa. Sữa cuối: sữa được tiết ra cuối bữa bú, có màu trắng sữa, chứa nhiều chất béo, cung cấp năng lượng, vì vậy cần cho trẻ bú hết sữa cuối bữa. [1]



Hình 1.1: Đặc điểm của sữa mẹ(Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, 2015 [1])

1.2. Tầm quan trọng của sữa mẹ

1.2.1 Các thành phần dinh dưỡng trong sữa mẹ

Sữa mẹ là chất dinh dưỡng hoàn hảo, dễ tiêu hóa và dễ hấp thu. Sữa mẹ là thức ăn hoàn hảo nhất trong những tháng năm đầu tiên của trẻ vì sữa mẹ có đủ năng lượng, chất dinh dưỡng và dễ hấp thu[1]. Có thể nói sữa mẹ đã được chế tạo theo công thức định sẵn, trong 1 lít sữa mẹ có khoảng 700 Kcal. Tỷ lệ các chất dinh dưỡng như đạm, đường, mỡ, vitamin, và muối khoáng thích hợp nên làm cho trẻ dễ tiêu hóa, dễ hấp thu giúp cho cơ thể trẻ phát triển bình thường tránh được suy dinh dưỡng.

Protein: sữa mẹ có lượng protein (đạm) ít hơn sữa bò nhưng có đủ các acid amin cần thiết và tỷ lệ cân đối. Protein sữa mẹ chủ yếu là protein dạng lỏng hòa tan, còn gọi là protein sữa giúp trẻ dễ tiêu hóa.

Lipid (chất béo): chất béo trong sữa mẹ cung cấp 50% năng lượng cho bé. Sữa mẹ có những acid béo cần thiết như acid linoleic, acid linolenic hỗ trợ cho sự phát triển của não, mắt và sức bền thành mạch. Hơn nữa, thành phần lipid trong sữa mẹ chủ yếu là acid béo không no và có men lipase giúp cho quá trình tiêu hóa của trẻ dễ dàng hơn.

Carbonhydrat (glucid và đường): trong sữa mẹ có lượng carbonhydrat nhiều hơn trong sữa bò, do đó cung cấp nhiều năng lượng cho cơ thể, với 85% là lactose sẽ làm tăng cường hấp thu calci, muối khoáng cho cơ thể và 15% là oligosaccharide sẽ hỗ trợ cho sự phát triển vi khuẩn có lợi cho trẻ.

Vitamin: các loại vitamin (B1, B2, C,...) đều có đủ trong sữa mẹ và giúp ích cho trẻ. Đặc biệt, sữa mẹ là nguồn cung cấp vitamin A dồi dào cho trẻ, vì vậy trẻ bú sữa mẹ sẽ phòng được bệnh khô mắt do thiếu vitamin A. Ngoài ra sữa mẹ còn có nhiều vitamin D cần cho sự phát triển xương của trẻ, giúp trẻ chống được suy dinh dưỡng và còi xương.

Muối khoáng: Calci trong sữa mẹ có đặc tính sinh học và tỷ lệ thích hợp, dễ hấp thu và thỏa mãn nhu cầu của trẻ hỗ trợ phát triển xương giúp cho trẻ cứng cáp hơn. Sắt trong sữa mẹ được hấp thu hơn trong sữa bò do đó trẻ bú sữa mẹ ít bị còi xương và thiếu máu. Lượng đồng, kẽm trong sữa mẹ đáp ứng đủ nhu cầu của trẻ, giúp trẻ phòng chống thiếu vi

chất và bảo vệ cơ thể. Sữa mẹ có tác dụng kháng khuẩn Globulin miễn dịch IgA: có nhiều trong sữa non và giảm dần trong những tuần sau. IgA tiết thường không hấp thu mà hoạt động tại ruột để chống lại một số vi khuẩn như E.Coli và virus. Tế bào, lympho bào sản xuất IgA tiết và Interferon, có tác dụng ức chế hoạt động của một số virus. Lactoferin (protein gắn sắt): có tác dụng kìm khuẩn không cho các vi khuẩn cần sắt để phát triển. Lysozym: có hàm lượng cao gấp hàng ngàn lần so với sữa bò, có tác dụng diệt vi khuẩn và virus. Các đại thực bào trong sữa mẹ có tính chất thực bào và bài tiết lysozyme, lactoferin và thực bào nấm Candida và các loại vi khuẩn, nhất là các vi khuẩn Gram âm gây viêm ruột hoại tử cho trẻ sơ sinh (Clostridium, Klebsiella). Trong sữa mẹ có các yếu tố kích thích sự phát triển vi khuẩn Lactobacillus Bifidus. Vi khuẩn này phát triển sẽ lấn át và ngăn cản sự phát triển của các loại vi khuẩn gây bệnh. Do sữa mẹ có đặc tính kháng khuẩn, nên tỷ lệ mắc bệnh và tỷ lệ tử vong của trẻ bú mẹ thấp hơn trẻ nuôi sữa công thức. Sữa mẹ có tác dụng chống dị ứng Trẻ bú mẹ thường không bị dị ứng, bị eczema như một số trẻ ăn nhân tạo vì IgA tiết cùng với đại thực bào có tác dụng chống dị ứng.[1]

1.2.2 Lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ

Sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng hoàn hảo, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của trẻ trong 6 tháng đầu [1]. Sữa mẹ kích thích sự phát triển tối ưu của não và thúc đẩy sự tăng trưởng của trẻ[1]. Một số kháng thể từ người mẹ truyền qua rau đến bào thai đã giúp cho trẻ có sức đề kháng và miễn dịch một số bệnh đặc biệt trong 6 tháng đầu, giúp trẻ không dễ mắc các bệnh như sởi, cúm, ho gà. Hơn nữa, sữa mẹ vô khuẩn, sạch sẽ, trẻ bú trực tiếp ngay làm cho vi khuẩn không có điều kiện phát triển nên trẻ ít bị tiêu chảy[1]. Vì hệ thống miễn dịch của bé chưa hoàn thiện nên các kháng thể có trong sữa mẹ sẽ là liều thuốc quý giá giúp trẻ phòng ngừa các bệnh nhiễm khuẩn, nhất là tiêu chảy và nhiễm khuẩn hô hấp. Sữa mẹ đảm bảo dinh dưỡng, cung cấp đủ nước cho trẻ. Khi trẻ được bú

mẹ, được tiếp xúc gần gũi mẹ, được âu yếm trẻ sẽ ít khóc, cảm giác an toàn hơn, tinh thần, trí tuệ phát triển tốt hơn[1].

1.2.3. Lợi ích của sữa mẹ đối với bà mẹ

Cho trẻ bú sớm ngay sau sinh giúp xổ rau và tránh mất máu cho mẹ. Với động tác mút vú sẽ kích thích tuyến yên tiết oxytocin giúp tử cung của mẹ co hồi tốt hơn, tránh được tình trạng băng huyết sau sinh và tiết prolactin có tác dụng ức chế rụng trứng nên làm chậm quá trình có thai đồng thời làm giảm nguy cơ ung thư tử cung và ung thư vú. [1]

Khi thực hiện cho trẻ bú ngay và thường xuyên có tác dụng kích thích tăng cường sản xuất sữa. Nuôi con bằng sữa mẹ là cách nuôi đơn giản nhất. Bà mẹ có thể cho trẻ bú bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào kể cả ban đêm. Không mất thời gian, phương tiện và dụng cụ pha sữa phiền phức[1]. Không tốn kém tiền để mua sữa nhân tạo và các dụng cụ cần thiết để pha sữa cho con. Tạo điều kiện cho mẹ có thời gian nghỉ ngơi, ăn uống bồi dưỡng, chăm sóc gia đình và tham gia công tác xã hội[1]. Đặc biệt, cho trẻ bú mẹ sẽ tạo điều kiện cho mẹ thường xuyên tiếp xúc, gần gũi với con giúp gắn bó tình cảm mẹ con, bà mẹ cảm thấy thoải mái tinh thần, yêu tâm và giảm được lo âu, trầm cảm sau sinh[1].

1.2.4. Những bất lợi khi nuôi con bằng sữa công thức

Thức ăn thay thế sữa mẹ được chế biến từ nhiều loại sữa khác nhau, tuy đã được điều chỉnh, chế biến để giống với thành phần sữa mẹ nhưng không thể hoàn hảo như sữa mẹ[1]. Vì vậy, khi nuôi con bằng sản phẩm thay thế sữa mẹ sẽ có nhiều bất lợi cho cả mẹ và bé: Hạn chế gắn bó tình cảm mẹ con, giảm mối quan hệ gần gũi yêu thương giữa mẹ và con[1].

Trẻ được nuôi bằng sữa công thức có nhiều nguy cơ bị tiêu chảy, viêm phổi, viêm tai và các bệnh nhiễm khuẩn khác[1]. Tần suất tử vong trẻ vì suy dinh dưỡng và bệnh nhiễm khuẩn cao hơn so với trẻ được nuôi bằng sữa mẹ. Trẻ dễ bị các bệnh dị ứng như chàm, hen suyễn hơn. Nếu trẻ không dung nạp được các

protein lạ trong sữa nhân tạo có thể bị tiêu chảy, kém hấp thu dẫn đến tình trạng suy dinh dưỡng. Trẻ ăn quá nhiều sữa nhân tạo sẽ gây thừa cân, béo phì.

Bà mẹ không nuôi con bằng sữa mẹ dễ có thai sớm, có nguy cơ bị thiếu máu sau sinh và tăng nguy cơ mắc bệnh ung thư vú, ung thư buồng trứng sau này

1.2.5. Các chính sách, khuyến nghị về nuôi con bằng sữa mẹ của quốc tế

Khẳng định quyền của mọi trẻ em, phụ nữ có thai và phụ nữ đang trong thời kì cho con bú được hưởng chế độ dinh dưỡng đầy đủ để có và duy trì sức khỏe. Nhận thức nuôi con bằng sữa mẹ là cách tối ưu nhằm cung cấp thức ăn lý tưởng cho sự tăng trưởng và phát triển khỏe mạnh của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, giúp hình thành cơ sở thể chất và tinh thần tốt nhất cho cả bà mẹ và trẻ em. Công nhận việc khuyến khích và bảo vệ việc nuôi con bằng sữa mẹ là một phần quan trọng của y tế. Có nhiều yếu tố xã hội và kinh tế ảnh hưởng tới việc nuôi con bằng sữa mẹ.

Do đó, chính phủ cần xây dựng các hệ thống hỗ trợ xã hội nhằm bảo vệ, tạo điều kiện, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và cho ăn bổ sung phù hợp. Khẳng định các hệ thống y tế, các chuyên gia y tế và các cán bộ y tế khác phục vụ trong các hệ thống đó đóng một vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn nuôi con, khuyến khích, tạo điều kiện cho bà mẹ nuôi con bằng sữa mẹ, tư vấn khách quan, nhất quán cho các bà mẹ và gia đình về giá trị ưu việt của nuôi con bằng sữa mẹ. Khẳng định các hệ thống giáo dục và các dịch vụ xã hội khác cần phải tham gia vào việc bảo vệ và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và sử dụng thích hợp các thực phẩm bổ sung. Các gia đình, cộng đồng, tổ chức của phụ nữ và các tổ chức phi chính phủ khác đóng vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ, khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ và bảo đảm sự hỗ trợ cần thiết cho các phụ nữ mang thai và bà mẹ của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Các nhà sản xuất và phân phối các sản phẩm thay thế sữa mẹ đóng một vai trò quan trọng và có trách nhiệm với việc thúc đẩy và khuyến khích việc nuôi con bằng sữa mẹ.

1.2. Phương pháp nuôi con bằng sữa mẹ

1.2.1. Thời gian cho trẻ bú

Cho trẻ bú sớm sau sinh sữa non số lượng ít nhưng độ đậm cao. Sữa non giàu kháng thể, nhiều protein kháng khuẩn, nhiều tế bào bạch cầu hơn sữa trưởng thành, giúp trẻ phòng chống nhiễm khuẩn, dị ứng và có khả năng miễn dịch nhiều bệnh mà trẻ có thể mắc sau đẻ. Sữa non có tác dụng xổ nhẹ, đào thải phân su, thải bilirubin ra khỏi ruột làm giảm mức độ vàng da của trẻ.

Sữa non có yếu tố tăng trưởng biểu bì giúp cho ruột phát triển hoàn thiện chức năng, phòng tránh dị ứng và không dung nạp thức ăn khác. Sữa non chứa nhiều vitamin A có tác dụng cải thiện tình trạng nhiễm khuẩn của trẻ; giàu natri, kali, vitamin E và kẽm [1].

Cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng đầu

Nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn là chỉ cho trẻ bú mẹ mà không cho ăn, uống bất cứ thức ăn, nước uống nào khác kể cả nước trắng, trừ các trường hợp phải uống bổ sung các vitamin, khoáng chất hoặc thuốc.

Sau 3-5 ngày, sữa non chuyển thành sữa trưởng thành. Sữa trưởng thành gồm có sữa đầu bữa và sữa cuối bữa. Sữa trưởng thành được tiết ra đầu bữa bú (sữa đầu) có màu trắng hơi xanh, chứa nhiều nước và các chất dinh dưỡng khác, vì vậy cần cho trẻ được bú sữa đầu bữa. Sữa trưởng thành được tiết ra cuối bữa bú (sữa cuối) có màu trắng sữa, chứa nhiều chất béo, cung cấp nhiều năng lượng, vì vậy cần cho trẻ bú hết sữa cuối bữa. Vì vậy trẻ phải bú được cả sữa đầu bữa và cuối bữa để có một bữa ăn đầy đủ dinh dưỡng và lượng nước cần thiết [2].

Khi trẻ được bú mẹ hoàn toàn không cần cho trẻ uống thêm nước vì trong sữa mẹ chứa 88% nước. Cần cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu vì trong khoảng thời gian này trẻ chưa tạo được kháng thể chủ động mà chỉ có kháng thể thụ động truyền qua rau thai và qua sữa mẹ để chống lại các tác nhân

gây bệnh trong môi trường không khí. Cho trẻ bú mẹ đến 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn.

1.2.2. Cách cho trẻ bú đúng

Đối với trẻ từ 6 đến 24 tháng, sữa mẹ vẫn là nguồn quan trọng cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, sữa mẹ sẽ không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng ngày càng tăng theo sự phát triển của trẻ, vì vậy cần cho trẻ bú kéo dài đến 24 tháng hoặc lâu hơn cùng với chế độ ăn bổ sung hợp lý. Không nên cai sữa cho trẻ trước 12 tháng, cho trẻ bú đến 24 tháng hoặc lâu hơn sẽ có lợi cho sức khỏe và phát triển lâu dài của trẻ, đặc biệt điều này sẽ làm tăng sự gắn kết tình cảm giữa mẹ và con. Trong thời gian cho trẻ bú mẹ nếu trường hợp trẻ bị bệnh vẫn tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ. Lưu ý khi cai sữa cho trẻ: không nên cai sữa vào mùa hè nóng nực vì ở mùa này trẻ thường ăn kém. Không cai sữa đột ngột dễ gây sang chấn tinh thần làm trẻ quấy khóc nhiều, làm biếng ăn. Không cai sữa khi trẻ ốm, đặc biệt là khi trẻ bị tiêu chảy vì thức ăn thay thế chưa làm trẻ thích nghi ngay được nên có thể kéo dài thời gian tiêu chảy làm trẻ dễ bị suy dinh dưỡng [2,16].

Cho trẻ bú theo nhu cầu kể cả ban ngày cũng như ban đêm, không hạn chế số lần bú. Cho bú bất cứ lúc nào trẻ đói, không nhất thiết phải cho bú theo giờ giấc. Khi trẻ đói, trẻ sẽ có các dấu hiệu như: đưa tay vào miệng để mút, trẻ đưa lưỡi ra vào, trẻ xoay trở, không nằm yên, khi chạm tay vào má của trẻ, trẻ sẽ quay đầu về phía tay tìm vú mẹ và cuối cùng là trẻ khóc nhưng dấu hiệu này dễ nhầm lẫn với những nguyên nhân khác cũng làm cho trẻ khóc như: trẻ mệt mỏi, thuốc và thức ăn của bà mẹ dùng làm trẻ khó chịu, đau bụng. Thời gian cho một bữa bú tùy thuộc vào từng trẻ. Nếu trẻ đã no sẽ tự nhả vú mẹ ra. Trung bình một bữa bú có thể kéo dài từ 15-20 phút cho mỗi bên vú. Nếu trẻ bú kiệt sữa một bên vú mà vẫn chưa đủ no thì cho trẻ bú tiếp vú bên kia [2]: Phải lau sạch đầu vú trước khi cho trẻ bú. Bốn điểm then chốt để bế trẻ khi cho trẻ bú:

+ Đầu và thân trẻ cùng nằm trên một đường thẳng

- + Toàn thân trẻ sát vào người mẹ, bụng trẻ áp sát vào bụng mẹ
- + Mặt trẻ quay vào vú mẹ, mũi trẻ đối diện với núm vú
- + Đối với trẻ sơ sinh, bà mẹ không những đỡ đầu, vai trẻ mà còn phải đỡ hông trẻ. Bà mẹ nâng vũ bằng tay để đưa vú vào miệng trẻ. Thỉnh thoảng nên dùng ngón tay cái và ngón trỏ nâng và ấn nhẹ vào vú để vũ khỏi bịt mũi của trẻ, đồng thời làm cho trẻ ngậm vú và bú tốt hơn.

Những dấu hiệu chứng tỏ trẻ ngậm bắt vú tốt:

- + Miệng trẻ mở rộng, ngậm sâu vào quầng vú.
- + Môi dưới hướng ra ngoài.
- + Lưỡi chụm quanh bầu vú.
- + Má chụm tròn. Trẻ mút chậm, sâu, có nhịp nghỉ khi nuốt.
- + Có thể nhìn hoặc nghe thấy trẻ nuốt.

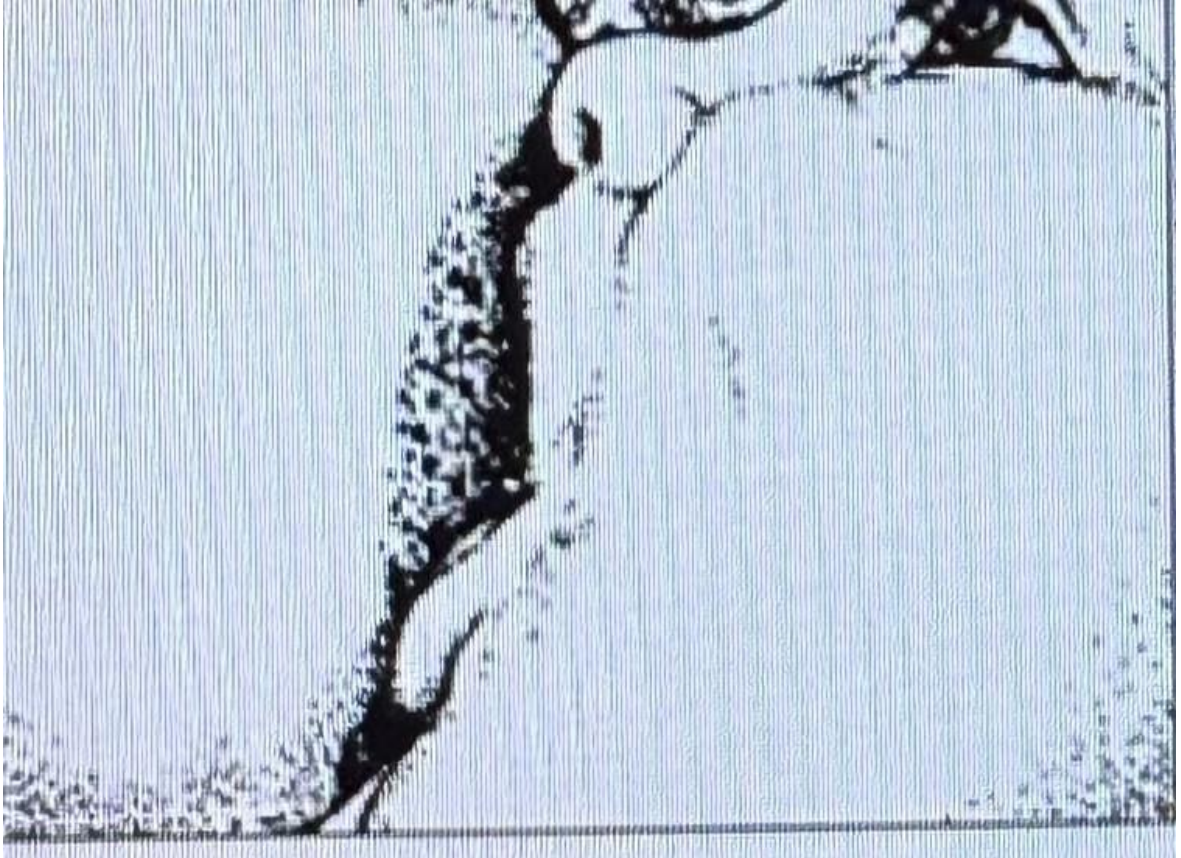
Cho trẻ bú hết bầu vú bên này rồi mới chuyển sang vú bên kia để tận dụng được sữa đầu, sữa cuối và đảm bảo kiệt sữa nhằm kích thích tạo sữa.

Khi trẻ bú xong nên vắt hết sữa còn lại trong bầu vú .

Sau khi trẻ bú xong nên đặt trẻ nằm yên ở tư thế cao đầu trong vòng 5-10 phút để trẻ có thể ợ hơi (hít vào trong khi bú), tránh được nôn, trớ.[1]

Việc nuôi con bằng sữa mẹ không chỉ là thiên chức của các bà mẹ mà đó còn là nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho con, tuy nhiên bà mẹ không nên cho trẻ bú sữa của mình trong một số trường hợp sau: người mẹ nhiễm HIV/AIDS vì sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm cho trẻ, mẹ bị suy tim, lao phổi nặng, viêm gan đang tiến triển, mẹ phải điều trị các thuốc chống ung thư, thuốc điều trị động kinh, thuốc hướng tâm thần.[1]

- + Đối với trẻ sơ sinh, bà mẹ không những đỡ đầu, vai trẻ mà còn phải đỡ hông trẻ. Bà mẹ nâng vũ bằng tay để đưa vú vào miệng trẻ. Thỉnh thoảng nên dùng ngón tay cái và ngón trỏ nâng và ấn nhẹ vào vú để vũ khỏi bịt mũi của trẻ, đồng thời làm cho trẻ ngậm vú và bú tốt hơn. [1]



Hình 1.2 Cách cho trẻ bú đúng (Nuôi dưỡng trẻ nhỏ, 2015 [1])

1.2.3. Các trường hợp không nên nuôi con bằng sữa mẹ

Việc nuôi con bằng sữa mẹ không chỉ là thiên chức của các bà mẹ mà đó còn là nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho con, tuy nhiên bà mẹ không nên cho trẻ bú sữa của mình trong một số trường hợp sau: người mẹ nhiễm HIV/AIDS vì sẽ làm tăng nguy cơ lây nhiễm cho trẻ, mẹ bị suy tim, lao phổi nặng, viêm gan đang tiến triển, mẹ phải điều trị các thuốc chống ung thư, thuốc điều trị động kinh, thuốc hướng tâm thần.

1.4. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ hiện nay

1.4.1. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ trên thế giới

Trên toàn cầu, tỷ lệ cho con bú đến 12 tháng cao nhất là ở tiểu vùng Sahara Châu Phi, Nam Á, và một số nước ở khu vực Mỹ Latinh, tại các nước có thu nhập cao tỷ lệ này chỉ là 20%. Ở các quốc gia thu nhập thấp và thu nhập

trung bình, chỉ có 37% trẻ em dưới 6 tháng tuổi được bú sữa mẹ[10]. Gần đây tỷ lệ nuôi con bằng sữa mẹ trên toàn thế giới đang có dấu hiệu tăng nhẹ. Trong vòng 15 năm qua, tỷ lệ trẻ từ 0–5 tháng được bú sữa mẹ đã được tăng thêm 10%. Cụ thể, vào năm 2000 tỷ lệ này là 36%, nhưng đến năm 2015 đã tăng lên 46%.[10] Nhìn chung ở giai đoạn này, hầu hết các khu vực đều có sự gia tăng tỷ lệ trẻ từ 0–5 tháng được bú sữa mẹ: ở Nam Á vào năm 2000 tỷ lệ này là 47% và đến năm 2015 đã ở Đông và Nam Phi, tỷ lệ này đã tăng từ 43% (2000) lên 54% (2015).[10] Trong 3 ngày đầu sau sinh, tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ trên thế giới là 57%, cao nhất là Đông và Nam Phi (76%) và ở khu vực này chỉ có 4% trẻ được ăn bằng sữa nhân tạo, thấp nhất là Đông Á và Thái Bình Dương và có tới 42% trẻ được ăn bằng sữa nhân tạo[10]. Ở Trung Đông và Bắc Phi tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ trong 3 ngày đầu sau sinh khá ổn và cùng là 47%.

1.4.2. Tình hình nuôi con bằng sữa mẹ ở Việt Nam

Tại Việt Nam, tỷ lệ trẻ từng được bú sữa mẹ khá cao, lên tới 96,9%, tuy nhiên chỉ có khoảng 24,3% trẻ dưới 6 tháng tuổi được bú mẹ hoàn toàn và có tới 72,2% trẻ được uống thức uống ngoài sữa mẹ trong ngày đầu đời. Trong cả nước, Tây Nguyên là vùng có tỷ lệ trẻ được bú sữa mẹ trong vòng 1 giờ đầu sau sinh cao nhất (35,1%), trong khi đó tỷ lệ này ở Đồng bằng sông Cửu Long là 27,8%[10]. Theo báo cáo Tổng điều tra Dinh dưỡng của Viện Dinh Dưỡng (VDD) 2009–2010 cho thấy tỷ lệ trẻ được cho bú mẹ trong 1 giờ đầu sau sinh khá cao (76,2%) do đó đã kéo theo tỷ lệ trẻ được bú sữa non khá lớn (70,8%).[10]

Kết quả điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2014 đã cho thấy rằng, có đến 67,8% trẻ sơ sinh ở Việt Nam được bắt đầu bú sữa mẹ trong một ngày đầu sau khi sinh nhưng chỉ có 26,5% trẻ được bú mẹ trong vòng 1 giờ đầu. Trong đó, tỷ lệ bà mẹ cho con bú trong vòng 1 giờ đầu của những người phụ nữ sống ở khu vực nông thôn (27,6%) nhiều hơn so với khu vực thành thị (23,8%), nhóm mức sống nghèo nhất (31,2%) nhiều hơn hẳn so với

nhóm mức sống giàu nhất (22,7%) và nhóm dân tộc thiểu số (36,3%) nhiều hơn nhóm dân tộc kinh/hoa (24,4%). [10]

1.5. các yếu tố liên quan đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh

Có nhiều yếu tố liên quan đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh từ khách quan đến chủ quan như: tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, môi trường sống, các kênh thông tin và mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến kiến thức của các bà mẹ. Vai trò của cán bộ y tế và những người phục vụ về sức khỏe trong các nhà hộ sinh cũng như các phòng khám phụ nữ hoặc ở những nơi chăm sóc sau đẻ có ảnh hưởng rất lớn đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ, nó lại càng đặc biệt quan trọng bởi vì họ đến đây trong tình trạng cần được chăm sóc sức khỏe và tư vấn những kiến thức cần thiết. Trên thực tế, có rất nhiều nguyên nhân khiến các bà mẹ có những nhận thức không đúng về nuôi con bằng sữa mẹ. Trong đó, những quảng cáo về sữa công thức đã tác động mạnh đến nhận thức của các bà mẹ nói riêng và cộng đồng nói chung, với nhiều hình thức quảng cáo khác nhau trên các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, sách, báo,... cùng với những chương trình khuyến mãi, giảm giá, quà tặng kèm theo, đặc biệt là những quảng cáo này cam kết sẽ giúp cho trẻ khỏe mạnh hơn, thông minh hơn từ đó đã làm cho bà mẹ tin rằng sữa công thức có thành phần giống sữa mẹ và có thể thay thế sữa mẹ. Việt Nam vốn là đất nước có truyền thống nuôi con bằng sữa mẹ với những phong tục tập quán được hình thành và đã chi phối lối sống, cách thức chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ và trẻ em. Với cuộc sống hiện đại ngày nay, tuy khoa học phát triển và đã có nhiều khuyến nghị, hướng dẫn về nuôi con bằng sữa mẹ hợp lý nhưng vẫn còn tồn tại nhiều tập quán nuôi con bằng sữa mẹ lạc hậu, một số thông tin được truyền từ những người lớn tuổi, nhiều nhất là mẹ chồng hoặc mẹ đẻ đã không còn phù hợp, điển hình là việc không cho bà mẹ sau sinh ăn đa dạng nhiều loại thức ăn, cho trẻ uống thêm nước khi trẻ trong 4–6 tháng đầu vì

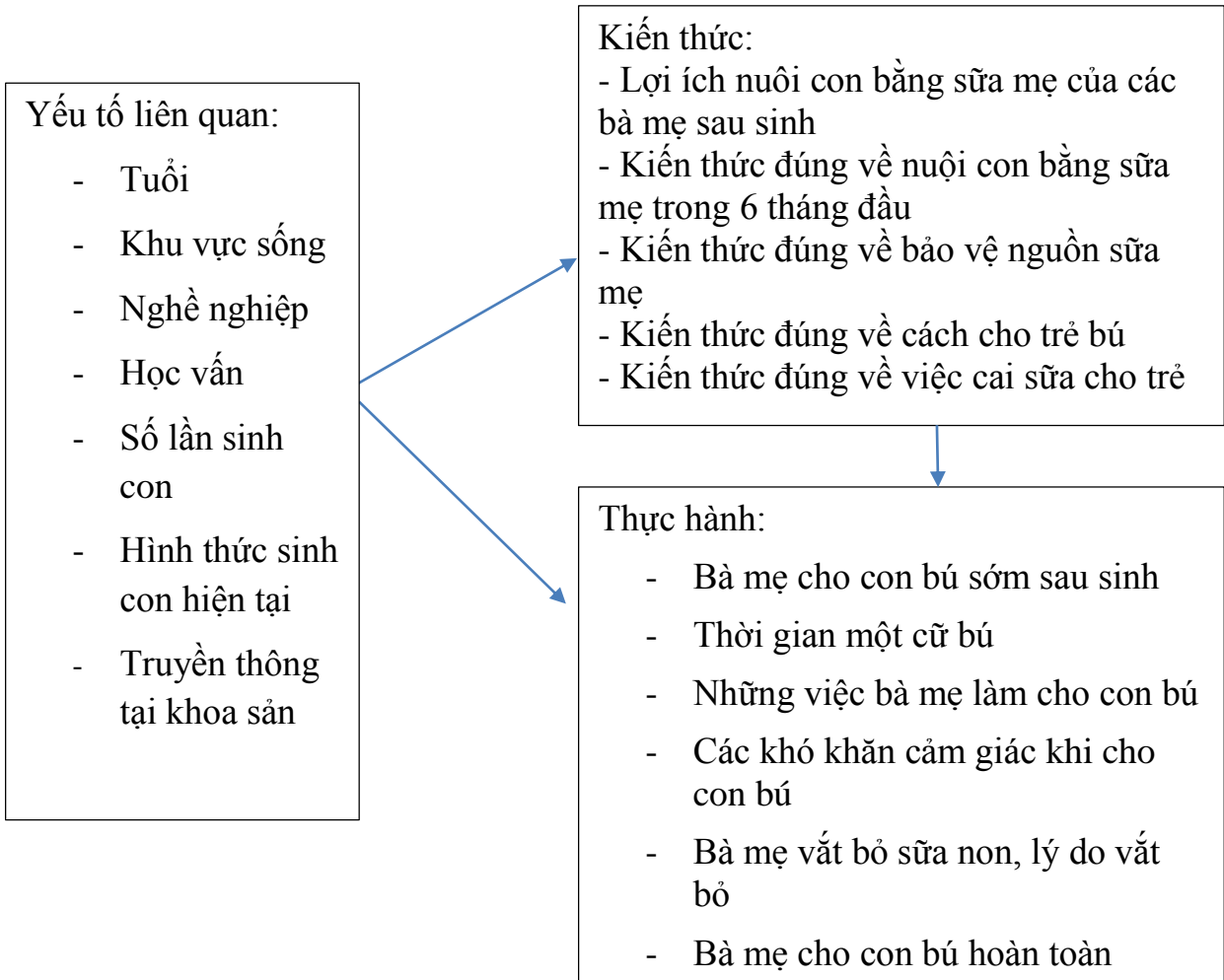
sợ trẻ khát nước,... Tất cả những điều này đã có tác động rất lớn đến kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ.

1.6. Sơ lược về địa điểm nghiên cứu

Với vị trí đắc địa tại phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh- Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 được biết đến là bệnh viện hạng I. Bệnh viện được xây dựng với cơ sở vật chất khang trang sạch đẹp. Trong đó Khoa phụ sản có một vị trí lợi thế tại tầng 4 và tầng 5 tòa nhà D (Nhà 7 tầng mới xây) Đây được coi là một trong những điểm nhấn quan trọng được nhiều người tin tưởng lựa chọn để đến khám và điều trị những bệnh về Sản Phụ khoa, đặc biệt là điểm đến đăng ký dự sinh cho các bà bầu trong và ngoài tỉnh.

Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 gồm 49 các khoa phòng. Khoa Phụ Sản thuộc Khối Ngoại của bệnh viện có tổng số giường là 70 giường với 32 giường dịch vụ. Hiện nay Khoa Phụ Sản có 27 nhân viên trong đó có 10 bác sĩ, 16 hộ sinh và 1 hộ lý. Về công tác chuyên môn được thực hiện tất cả các quy trình kỹ thuật được Sở y tế phê duyệt, đồng thời triển khai tất cả các dịch vụ đã phê duyệt giá đáp ứng với mong đợi của người bệnh không phải đi xa. Trung bình mỗi tháng có khoảng 350-450 trẻ sơ sinh chào đời, trong đó có khoảng 150-180 các các trẻ được sinh thường qua đường âm đạo.

1.7 Sơ đồ nghiên cứu



CHƯƠNG 2: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sản phụ sinh thường tại Khoa Phụ sản Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sản phụ từ 18 tuổi trở lên đẻ thường, con nằm cùng mẹ, trả lời các câu hỏi và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sản phụ mổ lấy thai, sản phụ đẻ con bị chết, dị dạng như sứt môi, hở hàm ếch không bú được. Sản phụ đẻ thường bị bệnh lý chống chỉ định không cho con bú như: mẹ bị HIV, tim....

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3 năm 2026 đến tháng tháng 8 năm 2026 Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1. Địa chỉ đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

2.3. Thiết kế nghiên cứu:

Sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, thu thập thông tin bằng bộ câu hỏi có sẵn thông qua phỏng vấn trực tiếp các đối tượng.

2.4. Cỡ mẫu nghiên cứu

Cỡ mẫu được tính theo công thức ước tính một tỷ lệ trong nghiên cứu mô tả cắt ngang: $n = z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$

Trong đó

n: cỡ mẫu tối thiểu cần thiết

$Z_{1-\alpha/2}$: hệ số tin cậy, với mức tin cậy 95% thì $Z = 1.96$

P: ước tính tỷ sản phụ có kiến thức, thực hành đúng về nuôi con bằng sữa mẹ. Theo nghiên cứu của tác giả Huỳnh Thị Ngọc Thảo về kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan tại khoa Sản, bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Meditec Bạc Liêu năm 2022”[4], thì tỷ lệ kiến thức đúng nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ là 71.3% (p=0.71) và thực hành đúng là 66.8% (p=0.67)

d: sai số cho phép chọn $d = 0.05$

Áp dụng công thức

$$n = (1,96)^2 \times ((0.67 \times (1-0.67)) : (0.05)^2) = 340 \text{ (chọn cỡ mẫu tối thiểu 340)}$$

Dự phòng khoảng 10% đối tượng không đủ tiêu chuẩn, cỡ mẫu thực tế dự kiến khoảng 380 Sản phụ.

2.5. Phương pháp chọn mẫu:

Dùng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có chủ đích. Chọn tất cả các bà mẹ sau sinh tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1 đủ tiêu chuẩn chọn mẫu và không thuộc tiêu chuẩn loại trừ cho đến khi đủ 380 đối tượng nghiên cứu.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu

*** Nội dung kiến thức:**

- Sử dụng bộ 30 câu hỏi soạn sẵn lấy từ các tác giả khác điều chỉnh lại phù hợp với đề tài nghiên cứu đã được hội đồng khoa học Bệnh viện công nhận

- Bộ câu hỏi gồm 2 phần: Thông tin của đối tượng nghiên cứu và kiến thức

- Các bước tiến hành thu thập số liệu: Quá trình thu thập số liệu được tiến hành ngay tại khoa Phụ sản bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1

- Trình tự thực hiện gồm: Lập danh sách đối tượng nghiên cứu

Hộ sinh theo dõi chăm sóc buồng bệnh tiếp xúc với từng đối tượng: Giới thiệu bản thân, giới thiệu về nội dung và mục đích nghiên cứu. Tiến hành phỏng vấn trực tiếp, đối tượng nghiên cứu là các sản phụ mới sinh cho đến trước thời điểm đẻ thường sau 1h hoặc vài ngày trong tình trạng tỉnh táo, không đau, đang nằm tại Khoa Phụ Sản, Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh. Kết quả ghi vào phiếu tổng hợp nhận xét

*** Nội dung thực hành:**

- Sử dụng bảng kiểm gồm 9 bước nội dung lấy từ tài liệu [1] BHYT Nuôi dưỡng trẻ nhỏ (2015)

- Nội dung bảng kiểm gồm 2 phần: Thông tin của đối tượng nghiên cứu và các bước tiến hành.

- Tiến hành quan sát đối tượng nghiên cứu là các sản phụ mới sinh cho con bú trong 1h sau đẻ. Kết quả ghi vào phiếu tổng hợp nhận xét

Trong giờ hành chính: Hộ sinh phòng đẻ, thực hiện thực hiện quan sát bà mẹ cho con bú và ghi vào bảng kiểm

Ngoài giờ: Hộ sinh kíp trực thực hiện thực hiện quan sát bà mẹ cho con bú và ghi vào bảng kiểm

2.7. Các biến số nghiên cứu:

Mục tiêu 1: *Mô tả kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ sau đẻ thường tại Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1 năm 2026.*

Nhóm biến	Biến số	Định nghĩa/Phân nhóm	Loại biến số	Phương pháp thu thập
Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu	Tuổi	Dưới 35 tuổi Từ 36 tuổi trở lên	Định tính phân loại	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Dân tộc	Kinh Khác	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Trình độ học vấn	Lớp 9 trở xuống Lớp 10 trở lên	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Nghề nghiệp	Làm ruộng, buôn bán Cán bộ, công nhân, viên chức	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng

	Số lần sinh con	Lần đầu Lần 2 trở lên	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Cân nặng lúc sinh	Dưới 2,5kg Trên 2,5 kg	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Tình trạng trẻ lúc sinh	Dưới 37 tuần(thiếu tháng) Từ 38-42 tuần(đủ tháng)	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của Sản phụ	Lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ là gì?	Tăng sức đề kháng cho trẻ	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với bà mẹ là gì?	Tử cung co hồi nhanh, giảm nguy cơ băng huyết	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Lợi ích của sữa non là gì?	Bảo vệ đường ruột, chống nhiễm khuẩn	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh là gì?	Ổn định thân nhiệt, chống hạ đường huyết	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng

Bà mẹ có chờ sữa về mới cho con bú không?	Không	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Lần bú đầu tiên của trẻ nên bắt đầu vào lúc nào sau sinh?	Trong 1h đầu sau đẻ	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Sau khi trẻ chào đời, thức ăn đầu tiên của trẻ là gì?	Sữa mẹ	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Thế nào là nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn?	Không cho ăn uống bất kỳ thứ gì khác	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Nên cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong bao lâu?	6 tháng	Định tính nhị phân	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Trẻ trong 6 tháng tuổi chỉ cho bú sữa mẹ thì có đủ dinh dưỡng cho trẻ hay không?	Đủ	Định tính nhị phân	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
Trẻ trong 6 tháng tuổi có nên cho	Bắt đầu cho tập làm quen với ăn dặm	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng

	uống thêm nước hay không?			
	Mỗi ngày nên cho trẻ bú mấy lần?	Theo nhu cầu của trẻ	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Dấu hiệu nào để nhận biết trẻ đang đói?	Lưỡi thờ ra thụt vào	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Trước khi cho trẻ bú có nên vắt bỏ sữa đầu đi hay không?	Không	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Trước khi cho trẻ bú nên làm như thế nào?	Vệ sinh vú	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Khi cho trẻ bú nên đặt trẻ như thế nào?	Nằm thẳng trên 1 đường thẳng	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Những dấu hiệu chứng tỏ trẻ ngậm bắt vú tốt là gì?	Miệng há to ngậm hết quầng thâm	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng

	Thời gian một bữa bú của trẻ nên kéo dài trong bao lâu?	Khoảng 20-30p, bú mỗi bên khoảng 15-20p	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Sau mỗi lần cho trẻ bú nên làm gì để tránh nôn chớ cho trẻ?	Bế cao đầu 15-20p, có thể vỗ ợ hơi cho trẻ	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Thời gian tốt nhất cai sữa cho trẻ là khi nào?	Trên 24 tháng	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Những việc không nên làm khi cai sữa cho trẻ là gì?	Khi trẻ đang ốm	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Sữa mẹ vắt ra được bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh < 4 độ C tốt nhất để trong bao lâu?	Khoảng 3 ngày	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Hình dạng và kích thước vú có ảnh hưởng đến	Không ảnh hưởng gì	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng

	số lượng sữa của mẹ hay không?			
	Để bảo vệ nguồn sữa mẹ có những cách nào?	Duy trì cho con bú và cung cấp đủ dinh dưỡng	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Có nên vắt sữa dư sau mỗi lần cho trẻ bú không?	Có	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Những việc làm nào sau đây của bà mẹ có thể ảnh hưởng đến sự tiết sữa?	Không nịt bụng, không giảm cân	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Trẻ bị bệnh có tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ hay không?	Có	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng
	Những trường hợp nào mẹ không nên cho con bú?	Mẹ bị suy tim, HIV, hen,...	Định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp đối tượng

	Những hạn chế khi nuôi trẻ bằng sữa công thức là gì?	Ngăn cách tình cảm mẹ con, tổn kém	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
	Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của chị được biết từ đâu?	Nhân viên y tế	Định tính danh mục	Phòng vấn trực tiếp đối tượng
Thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ	Trước khi cho trẻ bú có vắt bỏ sữa đầu đi không?	Bà mẹ có thực hiện vắt bỏ sữa đầu trước khi cho con bú không	Định tính nhị phân	Quan sát
	Thức ăn đầu tiên của trẻ	Xem mẹ có tự cho bú hay pha sữa ngoài	Định tính định danh	Quan sát
	Thời điểm cho trẻ bú mẹ ngay sau sinh	Trong 60p sau đẻ	Định tính định danh	Quan sát
	Tình trạng bú mẹ của trẻ hiện tại	Ngậm bắt vú tốt	Định tính Nhị phân	Quan sát
	Số lần bú trẻ trong ngày	Theo nhu cầu của trẻ	Định tính định danh	Quan sát

	Vỗ ợ hơi cho trẻ sau mỗi lần cho bú	Bà mẹ đặt trẻ như thế nào	Định tính định danh	Quan sát
	Cách bế trẻ bú của bà mẹ	Theo phân loại của bộ câu hỏi	Định tính định danh	Quan sát
	Cách ngậm bắt vú trẻ	Miệng há to ngậm hết quầng thâm	Định tính định danh	Quan sát
	Vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần cho bú	Mẹ nên vắt sữa thừa bảo quản	Định tính định danh	Quan sát
	Thực hành chung về NCBSM có đạt không		Định tính định danh	Quan sát

Mục tiêu 2: *Tìm hiểu 1 số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của bà mẹ sinh con tại Bệnh viện Bắc Ninh số 1 năm 2026*

Tên biến số	Định nghĩa biến	Phân loại biến	Phương pháp thu thập
Nhóm tuổi	Tuổi của sản phụ tại thời điểm nghiên cứu, được phân thành các nhóm tuổi	Biến định tính	Phỏng vấn trực tiếp
Nơi cư trú	Địa chỉ nơi sinh sống hiện tại của sản phụ	Biến định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp
Dân tộc	Thành phần dân tộc của sản phụ	Biến định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp
Nghề nghiệp	Nghề nghiệp hiện tại của sản phụ	Biến định tính danh mục	Phỏng vấn trực tiếp

Tên biến số	Định nghĩa biến	Phân loại biến	Phương pháp thu thập
Số lần sinh	Tổng số lần sinh con của sản phụ tính đến thời điểm nghiên cứu	Biến định lượng	Khai thác hồ sơ bệnh án / phỏng vấn
Được tư vấn về NCBSM	Sản phụ có được tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ trong thai kỳ và/hoặc sau sinh	Biến định tính (Đạt/Không đạt)	Phỏng vấn trực tiếp

2.8 Các khái niệm, thước đo, tiêu chuẩn đánh giá

2.8.1 Các khái niệm

Sản phụ sau sinh thường là phụ nữ sinh con qua đường âm đạo, không có can thiệp phẫu thuật lấy thai.

Kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ là sự hiểu biết của sản phụ về các nội dung chăm sóc Nuôi con bằng sữa mẹ

Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ là các hành vi, việc làm thực tế của sản phụ trong việc cho bú phù hợp với hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

Yếu tố liên quan là các đặc điểm cá nhân, sản khoa và xã hội có thể ảnh hưởng đến kiến thức và thực hành của sản phụ như: Tuổi; Trình độ học vấn; Nghề nghiệp; Số lần sinh

2.8.2. Thước đo

Thước đo kiến thức

- Sử dụng bộ câu hỏi gồm 30 câu
- Mỗi câu trả lời đúng: 1 điểm
- Trả lời sai/không biết: 0 điểm
- Tổng điểm tối đa: 30 điểm

Phân loại mức độ kiến thức:

- Đạt khi trả lời đúng 24/30 câu (80%)
- Không đạt khi trả lời 23/30 câu trở xuống (dưới 80%)

Thước đo thực hành

- Sử dụng bộ câu hỏi gồm 9 câu
- Thực hành đúng: 1 điểm
- Không thực hành/ thực hành sai: 0 điểm
- Tổng điểm tối đa: 9 điểm

Phân loại mức độ thực hành:

- Thực hành đạt 7/9 câu (80%)
- Thực hành không đạt 6/9 câu trở xuống (dưới 80%)

2.8.3. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá kiến thức và thực hành dựa trên:

Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế
Khuyến cáo chăm sóc bà mẹ sau sinh của Tổ chức Y tế Thế giới

Tiêu chuẩn “đạt” được xác định khi sản phụ có mức điểm $\geq 80\%$ tổng điểm tối đa của từng phần.

2.9. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu nghiên cứu được nhập vào máy tính làm sạch bằng phần mềm Edidata 3.1. Sau đó chuyển sang phân tích bằng phần mềm Stata 4.1.

Sử dụng thuật toán thống kê mô tả tần số, tỷ lệ %

Xác định yếu tố liên quan: Sử dụng kiểm định Khi bình phương, OR, khoảng tin cậy (95% CI) với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

2.10. Đạo đức trong nghiên cứu

Các thông tin về đối tượng được đảm bảo bí mật, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và tôn trọng đối tượng tham gia nghiên cứu. Chọn tất cả các bà mẹ sau sinh đủ tiêu chuẩn cho đến khi đủ 380 đối tượng nghiên cứu theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Chuẩn bị bộ câu hỏi tự điền soạn sẵn giải thích mục đích, ý nghĩa vấn đề nghiên cứu, phổ biến thông tin về nghiên cứu tiến hành phát bộ câu hỏi cho bà

mẹ đủ điều kiện tham gia nghiên cứu đánh giá thực trạng kiến thức đúng và các yếu tố liên quan đến nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh.

2.11 Hạn chế của nghiên cứu, sai số và biện pháp khắc phục sai số

Bộ câu hỏi dùng từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, hạn chế dùng từ chuyên môn

Bộ câu hỏi sử dụng điều tra cho 380 đối tượng tương tự sau đó chỉnh sửa cho phù hợp rồi đưa vào nghiên cứu chính thức

Khi phát bộ câu hỏi thu thập số liệu tiến hành phổ biến mục tiêu, ý nghĩa của nghiên cứu, đảm bảo bí mật thông tin của các bà mẹ.

CHƯƠNG 3: DỰ KIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1: Thông tin chung của các đối tượng tham gia nghiên cứu (n=380)

Thông tin chung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	18-35 tuổi		
	> 35 tuổi		
Nơi cư trú	Các Phường		
	Các xã		
Dân tộc	Kinh		
	Các dân tộc khác		
Tôn giáo	Không		
	Khác		

Nhận xét: Nhóm tuổi%

Bảng 3.2: Nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình, trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu (n=380)

Thông tin chung		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nghề nghiệp	Nông dân		
	Công chức, viên chức		
	Công nhân, thợ thủ công		
	Nội trợ		
Kinh tế gia đình	Hộ không nghèo		
	Hộ nghèo- Hộ cận nghèo		
Trình độ học vấn	Trung học phổ thông (THPT)		
	Trung học cơ sở (THCS)		

	Trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học		
	Tiểu học		

Nhận xét:.....

Bảng 3.3: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo số con hiện có và phương pháp sinh con hiện tại (n=380)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Số con	2 con trở lên		
	1 con		
Có vấn đề về vú	Không		
	Có		
Có áp dụng tập quán hay không?	Không		
	Có		

Nhận xét:

Bảng 3.4: Đặc điểm của trẻ sinh ra(n=380)

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính trẻ	Nam		
	Nữ		
Cân nặng lúc sinh	< 2500g		
	>2500g		
Tình trạng trẻ sinh ra	Sinh non		
	Đủ tháng		
Vấn đề về sức khỏe của trẻ	Không		
	Có		

Nhận xét:

3.2 Kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ

3.2.1 Kiến thức

Bảng 3.5: Kiến thức đúng về nuôi con bằng sữa mẹ của các sản phụ (n=380)

Kiến thức	Đạt		Chưa đạt	
	n	%	n	%
Định nghĩa nuôi con bằng sữa mẹ				
Loại sữa tốt nhất cho trẻ				
Thời gian tốt nhất cho trẻ bú sau sinh				
Biết thời gian cần NCBSM hoàn toàn				
Biết số lần cho trẻ bú trong ngày				
Phương pháp có nhiều sữa				
Lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh				
Lợi ích của sữa non				
Lợi ích của NCBSM đối với trẻ				
Lợi ích của NCBSM đối với mẹ				
Kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ				

Nhận xét:

3.2.2. Thực hành

Bảng 3.6. Thực hành đúng về nuôi con bằng sữa mẹ của các Sản phụ (n=380)

Nội dung	Đạt		Chưa đạt	
	n	%	n	%
Trước và sau khi cho con bú				
Thức ăn đầu tiên của trẻ				
Thời điểm cho trẻ bú mẹ ngay sau sinh				
Tình trạng bú mẹ của trẻ hiện tại				

Số lần bú trẻ trong ngày hôm qua				
Vỡ ợ hơi cho trẻ sau mỗi lần cho bú				
Cách bế trẻ bú của bà mẹ				
Cách ngậm bắt vú trẻ				
Vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần cho bú				
Thực hành chung đúng về NCBSM				

Nhận xét:

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của Sản phụ

3.3.1. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức

Bảng 3.7. Các yếu tố liên quan đến kiến thức đạt

Yếu tố	Kiến thức NCBSM sau sinh				OR (95%CI)	P
	Đạt		Chưa đạt			
	n	%	n	%		
Nhóm tuổi						
Trên 35 tuổi						
Dưới 35 tuổi						
Nơi cư trú						
Các phường						
Các xã						
Dân tộc						
Kinh						
Các dân tộc khác						
Tôn giáo						
Phật giáo						
Thiên chúa giáo						
Khác						

Nghề nghiệp						
Công chức, viên chức						
Nông dân						
Thợ thủ công						
Buôn bán dịch vụ						
Nội trợ						
Trình độ học vấn						
Trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học						
Phổ thông trung học						
Tiểu học						
Hoàn cảnh kinh tế						
Hộ không nghèo						
Hộ nghèo, cận nghèo						
Số con						
2 con trở lên						
1 con						
Có vấn đề về núm vú hay không?						
Không						
Có						
Có áp dụng phong tục tập quán vào nuôi con bằng mẹ không ?						
Không						
Có						

Giới tính						
Nam						
Nữ						
Cân nặng của trẻ lúc sinh						
Trên = 2500gr						
Dưới 2500gr						
Tuổi thai						
Đủ tháng trên 38 tuần						
Thiếu tháng dưới 38 tuần						
Có vấn đề về sức khỏe						
Không						
Có						

Nhận xét:.....

3.3.2. Một số yếu tố liên quan đến thực hành

Bảng 8: Các yếu tố liên quan đến thực hành

Yếu tố	Kiến thức NCBSM sau sinh				OR (95%CI)	P
	Đạt		Chưa đạt			
	n	%	n	%		
Nhóm tuổi						
>35 tuổi						
Từ 18-35 tuổi						
Nơi cư trú						
Các phường						

Các xã						
Dân tộc						
Kinh						
Các dân tộc khác						
Tôn giáo						
Phật giáo						
Thiên chúa giáo						
Khác						
Nghề nghiệp						
Công chức, viên chức						
Nông dân						
Thợ thủ công						
Buôn bán dịch vụ						
Nội trợ						
Trình độ học vấn						
Trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học						
Phổ thông trung học						
Tiểu học						
Hoàn cảnh kinh tế						
Hộ không nghèo						
Hộ nghèo, cận nghèo						
Số con						

2 con trở lên						
1 con						
Có vấn đề về núm vú hay không?						
Không						
Có						
Có áp dụng phong tục tập quán vào nuôi con bằng mẹ không ?						
Không						
Có						
Giới tính						
Nam						
Nữ						
Cân nặng của trẻ lúc sinh						
Trên = 2500gr						
Dưới 2500gr						
Tuổi thai						
Đủ tháng trên 38 tuần						
Thiếu tháng dưới 38 tuần						
Có vấn đề về sức khỏe						
Không						
Có						

Nhận xét:.....

3.3.3 Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành

Bảng 9: Mối liên quan giữa kiến thức đúng và thực hành đúng

Đặc điểm	Thực hành				KTC (95%CI)	P
	Đạt		Chưa đạt			
	n	%	n	%		
Kiến thức						
Đạt						
Chưa đạt						

Nhận xét:.....

CHƯƠNG 4. DỰ KIẾN BÀN LUẬN

Nhận xét kết quả nghiên cứu trên tổng số 380 bà trong các bảng với các nhà nghiên cứu.

CHƯƠNG 5. DỰ KIẾN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] BYT Nuôi dưỡng trẻ nhỏ (2015)

[2] Hoàng Thị Nam Giang, Yếu tố liên quan đến thực hành nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn ở trẻ ≤ 6 tháng tuổi ở Đà Nẵng và Thái Nguyên, Tạp chí Khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng, Vol 21, No.7.2023, tr.94-100.

[3] Nguyễn Thị Liên, Kiến thức và thực hành cho trẻ bú sớm sau sinh và bú mẹ hoàn toàn của bà mẹ tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội năm 2020, Tạp chí Khoa học Điều dưỡng – Tập 04 – Số 02 (2021), tr.102-108.

[4] Trần Thị Nhi, Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại khoa sản ở bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Lạng Sơn năm 2021, Tạp chí Y học Việt Nam tập 504- Tháng 7- Số 1 – 2021, tr.162-165

[5] Huỳnh Thị Ngọc Thảo, Kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của sản phụ và một số yếu tố liên quan tại khoa sản – Bệnh viện đa khoa Thanh Vũ Medic Bạc Liêu, Tạp chí Điều Dưỡng Việt Nam-2022-Số 38 – tr.50-55

[6] Ngô Thị Thanh Thảo, Tỷ lệ kiến thức, thực hành cho trẻ bú mẹ sau sinh của các bà mẹ sinh ngã âm đạo tại Bệnh viện Hùng Vương năm 2017, Nghiên cứu khoa học Bệnh viện Hùng Vương năm 2018, tr.47-28.

[7] Trần Minh Tiến, Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn của bà mẹ có con dưới 2 tuổi đến khám và điều trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2022, Tạp chí Khoa học và công nghệ đại học Thái Nguyên, số 14, 2022, tr.16-21.

[8] Đào Huỳnh Tuấn Tú, Khảo sát Kiến thức, thái độ, thực hành nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 6 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai năm 2022-2023, Tạp chí Y dược Cần Thơ, số 66, 2023, tr.149-156.

[9] Cổng Thông tin điện tử Cục Y tế dự phòng. Sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, 2019. Truy cập ngày 23/12/2025, tại trang web <https://vncdc.gov.vn/sua-me-la-nguon-dinh-duong-tot-nhat-chosu-phat-trien-cua-tre-d14960.html>.

[10] Bệnh viện Nhi trung ương. Hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ, 2016. Tại trang web <https://benhviennhitrunguong.gov.vn/huong-dan-nuoi-con-bangsua-me.html>

[11] Theo báo cáo Tổng điều tra Dinh dưỡng của Viện Dinh Dưỡng (VDD) 2009– 2010

**Phụ lục 1: PHIẾU KHẢO SÁT KIẾN THỨC VỀ NUÔI CON BẰNG
SỮA MẸ CỦA CÁC BÀ MẸ SAU SINH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA
BẮC NINH SỐ 1 NĂM 2026**

Mã số:

Xin chào chị, đây là phiếu khảo sát kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh đang nằm điều trị tại khoa Phụ sản Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 1. Phiếu này được giữ bí mật để phục vụ nghiên cứu và không nêu tên. Mong nhận được sự hợp tác của chị. Xin trân thành cảm ơn chị!

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐƯỢC NGHIÊN CỨU

1. Họ và tên:
2. Tuổi:
3. Địa chỉ:
4. Nghề nghiệp:
5. Học vấn:.....
6. Dân tộc:
7. Số lần sinh con:
9. Chị có được tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ không ? Có Không

II. KIẾN THỨC NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ

(Chọn 1 hoặc nhiều câu trả lời cho 30 nội dung câu hỏi bằng cách khoanh tròn đầu câu)

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	TRẢ LỜI
1	Lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dễ tiêu hóa 2. Chống nhiễm khuẩn 3. Chống dị ứng

2	Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với bà mẹ là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giảm bó tình cảm mẹ con 2. Giảm máu sau đẻ và ức chế rụng trứng 3. Ngăn ngừa ung thư vú
3	Lợi ích của sữa non là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phòng chống dị ứng 2. Tác dụng xổ nhẹ, đào thải phân su 3. Giảm mức độ vàng da của trẻ
4	Lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tử cung co hồi nhanh, tạo khả năng cầm máu, kích thích bài tiết sữa sớm 2. Tạo cho đường tiêu hóa của trẻ hoạt động sớm, bài tiết phân su 3. Tận dụng nguồn sữa non, giúp trẻ chống lại bệnh tật tốt
5	Bà mẹ có phải chờ sữa về mới cho con bú không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
6	Lần bú đầu tiên của trẻ nên bắt đầu vào lúc nào sau sinh?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trong 1 giờ đầu sau sinh 2. Sau đẻ 6h 3. Sau đẻ 12h
7	Sau khi trẻ chào đời, thức ăn đầu tiên của trẻ là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sữa bột 2. Nước trắng 3. Sữa mẹ
8	Thế nào là nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chỉ cho trẻ bú sữa mẹ, không ăn uống bất cứ loại thức ăn uống nào, trừ các trường hợp phải uống bổ sung các khoáng chất, vitamin hoặc thuốc theo chỉ định của Bác Sĩ 2. Cho bé bú sữa mẹ kết hợp với sữa bột 3. Cho bé bú sữa mẹ kết hợp cho uống thêm nước

Một lần nữa xin được cảm ơn sự hợp tác của chị rất nhiều!

9	Nên cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong bao lâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. 3 tháng đầu 2. 6 tháng đầu 3. 12 tháng đầu
10	Trẻ trong 6 tháng tuổi chỉ cho bú sữa mẹ thì có đủ dinh dưỡng cho trẻ hay không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
11	Trẻ trong 6 tháng tuổi có nên cho uống thêm nước hay không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
12	Mỗi ngày nên cho trẻ bú mấy lần?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ba lần 2. Bốn lần 3. Theo nhu cầu của trẻ
13	Dấu hiệu nào để nhận biết trẻ đang đói?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trẻ mút tay 2. Trẻ đưa lưỡi ra vào 3. Trẻ xoay trở, không nằm yên
14	Trước khi cho trẻ bú có nên vắt bỏ sữa đầu đi hay không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
15	Trước khi cho trẻ bú nên làm như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lau sạch đầu vú 2. Bế trẻ nằm ở tư thế thoải mái 3. Cho bé bú hết vú này mới đến vú kia
16	Khi cho trẻ bú nên đặt trẻ như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu và thân trẻ cùng nằm trên một đường thẳng 2. Toàn thân trẻ sát vào người mẹ, bụng trẻ áp sát vào bụng mẹ 3. Mặt trẻ quay vào vú mẹ, mũi trẻ đối diện với núm vú mẹ.
17	Những dấu hiệu chứng tỏ trẻ ngậm bắt vú tốt là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Miệng trẻ ngậm sâu vào quầng vú 2. Trẻ bú chậm, có nhịp nghỉ khi nuốt 3. Có thể thấy hoặc nghe trẻ nuốt

18	Thời gian một bữa bú của trẻ nên kéo dài trong bao lâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tùy thuộc vào từng trẻ 2. Bú cho đến khi tự nhả vú ra 3. Ít nhất 15-20 phút cho mỗi bên vú
19	Sau mỗi lần cho trẻ bú nên làm gì để tránh nôn chớ cho trẻ?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đặt trẻ nằm ngay 2. Bế trẻ nằm yên ở tư thế cao đầu trong vòng 5-10 phút 3. Bế trẻ đi dạo từ 5-10 phút
20	Thời gian tốt nhất cai sữa cho trẻ là khi nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trẻ < 6 tháng 2. Trẻ từ 6-12 tháng 3. Trẻ được 24 tháng hoặc lâu hơn nữa
21	Những việc không nên làm khi cai sữa cho trẻ là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cai khi trẻ đang bị bệnh 2. Cai sữa vào mùa hè nóng nực 3. Cai sữa đột ngột
22	Sữa mẹ vắt ra được bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh < 4 độ C tốt nhất để trong bao lâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trong 3 ngày 2. Trong 1 tuần 3. Trong 1 tháng
23	Hình dạng và kích thước vú có ảnh hưởng đến số lượng sữa của mẹ hay không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
24	Để bảo vệ nguồn sữa mẹ có những cách nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cho trẻ bú thường xuyên không bỏ cữ 2. Đảm bảo dinh dưỡng cho người mẹ 3. Lao động nhẹ nhàng, không lo nghĩ
25	Có nên vắt sữa dư sau mỗi lần cho trẻ bú không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không
26	Những việc làm nào sau đây của bà mẹ có thể ảnh hưởng đến sự tiết sữa?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không vắt hết sữa thừa sau mỗi lần bú 2. Sử dụng thuốc tùy tiện 3. Mẹ nai nịt vú quá chặt
27	Trẻ bị bệnh có tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ hay không?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có 2. Không

28	Những trường hợp nào mẹ không nên cho con bú?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người mẹ nhiễm HIV/AIDS 2. Mẹ bị suy tim, lao phổi nặng, viêm gan đang tiến triển 3. Mẹ đang điều trị thuốc chống ung thư, thuốc điều trị động kinh, thuốc hướng tâm thần
29	Những hạn chế khi nuôi trẻ bằng sữa công thức là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trẻ dễ bị tiêu chảy, khó hấp thu 2. Tốn kém, mất thời gian 3. Hạn chế gắn bó tình cảm mẹ con
30	Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của chị được biết từ đâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1. Gia đình 2. Kinh nghiệm 3. Cán bộ y tế 4. Bạn bè, hàng xóm 5. Sách báo, thông tin trên mạng

Ngày....tháng....năm 2026

NGƯỜI ĐƯỢC KHẢO SÁT

NGƯỜI THU THẬP SỐ LIỆU

(Ký tên)

Phụ lục 2: BẢNG KIỂM THỰC HÀNH ĐÚNG VỀ NUÔI BẰNG SỮA MẸ

I. Hành chính

1. Họ và tên:
2. Tuổi:
3. Địa chỉ:
4. Nghề nghiệp:
5. Học vấn:.....
6. Dân tộc:
7. Số lần sinh con:
9. Chị có được tư vấn về nuôi con bằng sữa mẹ không ? Có Không

II. Các bước tiến hành

STT	Nội dung	Kết quả	Điểm
1	Trước khi cho trẻ bú có vắt bỏ sữa đầu đi không?	1.Không 2.Có	1 0
2	Thức ăn đầu tiên của trẻ	1.Sữa mẹ 2.Sữa công thức	1 0
3	Thời điểm cho trẻ bú mẹ ngay sau sinh	1.Trong 1h đầu sau 2. Sau đẻ 2h	1 0
4	Tình trạng bú mẹ của trẻ hiện tại	1.Ngậm bắt vú tốt 2. Không bú được	1 0
5	Số lần bú trẻ trong ngày	1.Từ 3-5 lần 2. Theo nhu cầu	0 1
6	Vỗ ợ hơi cho trẻ sau mỗi lần cho bú	1.Có 2.Không	1 0
7	Cách bế trẻ bú của bà mẹ	1.Đầu mông thành 1 đường thẳng 2. Tự do	1 0

8	Cách ngậm bắt vú trẻ	1.Đúng	1
		2.Sai	0
9	Vắt bỏ sữa thừa sau mỗi lần cho bú	1.Không	0
		2.Có	1
10	Thực hành chung đúng về NCBSM	1.Có	1
		2. Không	0

Người đánh giá

Phụ lục 3: ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC ĐÚNG CHO TỪNG CÂU HỎI

STT	NỘI DUNG CÂU HỎI	TRẢ LỜI	ĐÁP ÁN ĐÚNG
1	Lợi ích của sữa mẹ đối với trẻ là gì?	1. Dễ tiêu hóa 2. Chống nhiễm khuẩn 3. Chống dị ứng	1
2	Lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ đối với bà mẹ là gì?	1. Giảm bó tình cảm mẹ con 2. Giảm đau sau đẻ và ức chế rụng trứng 3. Ngăn ngừa ung thư vú	1
3	Lợi ích của sữa non là gì?	1. Tăng cường miễn dịch 2. Tác dụng xổ nhẹ, đào thải phân su 3. Giảm mức độ vàng da của trẻ	1
4	Lợi ích của việc cho trẻ bú ngay sau sinh là gì cho mẹ?	1. Tử cung co hồi nhanh, tạo khả năng cầm máu, kích thích bài tiết sữa sớm 2. Tạo cho đường tiêu hóa của trẻ hoạt động sớm, bài tiết phân su 3. Tận dụng nguồn sữa non, giúp trẻ chống lại bệnh tật tốt	1
5	Bà mẹ có chờ sữa về mới cho con bú không?	1. Có 2. Không	2
6	Lần bú đầu tiên của trẻ nên bắt đầu vào lúc nào sau sinh?	1. Trong 1 giờ đầu sau sinh 2. Sau đẻ 6h 3. Sau đẻ 12h	1
7	Sau khi trẻ chào đời, thức ăn đầu tiên của trẻ là gì?	1. Sữa bột 2. Nước trắng 3. Sữa mẹ	3

8	Thế nào là nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn?	<p>1. Chỉ cho trẻ bú sữa mẹ, không ăn uống bất cứ loại thức ăn uống nào, trừ các trường hợp phải uống bổ sung các khoáng chất, vitamin hoặc thuốc theo chỉ định của Bác Sĩ</p> <p>2. Cho bé bú sữa mẹ kết hợp với sữa bột</p> <p>3. Cho bé bú sữa mẹ kết hợp cho uống thêm nước</p>	1
9	Nên cho trẻ bú sữa mẹ hoàn toàn trong bao lâu?	<p>1. 3 tháng đầu</p> <p>2. 6 tháng đầu</p> <p>3. 12 tháng đầu</p>	2
10	Trẻ trong 6 tháng tuổi chỉ cho bú sữa mẹ thì có đủ dinh dưỡng cho trẻ hay không?	<p>1. Có</p> <p>2. Không</p>	1
11	Trẻ trong 6 tháng tuổi có nên cho uống thêm nước hay không?	<p>1. Có</p> <p>2. Không</p>	1
12	Mỗi ngày nên cho trẻ bú mấy lần?	<p>1. Ba lần</p> <p>2. Bốn lần</p> <p>3. Theo nhu cầu của trẻ</p>	3
13	Dấu hiệu nào để nhận biết trẻ đang đói?	<p>1. Trẻ mút tay</p> <p>2. Trẻ đưa lưỡi ra vào</p> <p>3. Trẻ xoay trở, không nằm yên</p>	2
14	Trước khi cho trẻ bú có nên vắt bỏ sữa đầu đi hay không?	<p>1. Có</p> <p>2. Không</p>	2

15	Trước khi cho trẻ bú nên làm như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Lau sạch đầu vú 2.Bế trẻ nằm ở tư thế thoải mái 3.Cho bé bú hết vú này mới đến vú kia 	1
16	Khi cho trẻ bú nên đặt trẻ như thế nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Đầu và thân trẻ cùng nằm trên một đường thẳng 2.Toàn thân trẻ sát vào người mẹ, bụng trẻ áp sát vào bụng mẹ 3.Mặt trẻ quay vào vú mẹ, mũi trẻ đối diện với núm vú mẹ. 	1
17	Những dấu hiệu chứng tỏ trẻ ngậm bắt vú tốt là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Miệng trẻ ngậm sâu vào quầng vú 2.Trẻ bú chậm, có nhịp nghỉ khi nuốt 3.Có thể thấy hoặc nghe trẻ nuốt 	1
18	Thời gian một bữa bú của trẻ nên kéo dài trong bao lâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Tùy thuộc vào từng trẻ 2.Bú cho đến khi tự nhả vú ra 3.Ít nhất 15-20 phút cho mỗi bên vú 	3
19	Sau mỗi lần cho trẻ bú nên làm gì để tránh nôn chớ cho trẻ?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Đặt trẻ nằm ngay 2.Bế trẻ nằm yên ở tư thế cao đầu trong vòng 5-10 phút 3.Bế trẻ đi dạo từ 5-10 phút 	2
20	Thời gian tốt nhất cai sữa cho trẻ là khi nào?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Trẻ < 6 tháng 2.Trẻ từ 6-12 tháng 3.Trẻ được 24 tháng hoặc lâu hơn nữa 	3
21	Những việc không nên làm khi cai sữa cho trẻ là gì?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Cai khi trẻ đang bị bệnh 2.Cai sữa vào mùa hè nóng nực 3.Cai sữa đột ngột 	1
22	Sữa mẹ vắt ra được bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh < 4 độ C tốt nhất để trong bao lâu?	<ol style="list-style-type: none"> 1.Trong 3 ngày 2.Trong 1 tuần 3.Trong 1 tháng 	1

23	Hình dạng và kích thước vú có ảnh hưởng đến số lượng sữa của mẹ hay không?	1.Có 2.Không	21
24	Để bảo vệ nguồn sữa mẹ có những cách nào?	1.Cho trẻ bú thường xuyên không bỏ cữ 2.Đảm bảo dinh dưỡng cho người mẹ 3.Lao động nhẹ nhàng, không lo nghĩ	
25	Có nên vắt sữa dư sau mỗi lần cho trẻ bú không?	1.Có 2.Không	1
26	Những việc làm nào sau đây của bà mẹ có thể ảnh hưởng đến sự tiết sữa?	1.Không vắt hết sữa thừa sau mỗi lần bú 2.Sử dụng thuốc tùy tiện 3.Mẹ nai nịt vú quá chặt	3
27	Trẻ bị bệnh có tiếp tục cho trẻ bú sữa mẹ hay không?	1.Có 2.Không	1
28	Những trường hợp nào mẹ không nên cho con bú?	1.Người mẹ nhiễm HIV/AIDS 2.Mẹ bị suy tim, lao phổi nặng, viêm gan đang tiến triển 3.Mẹ đang điều trị thuốc chống ung thư, thuốc điều trị động kinh, thuốc hướng tâm thần	2
29	Những hạn chế khi nuôi trẻ bằng sữa công thức là gì?	1.Trẻ dễ bị tiêu chảy, khó hấp thu 2.Tốn kém, mất thời gian 3.Hạn chế gắn bó tình cảm mẹ con	3
30	Kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ của chị được biết từ đâu?	1.Gia đình 2.Kinh nghiệm 3.Cán bộ y tế 4.Bạn bè, Sách báo, thông tin trên mạng	3